

Số : 1141/TB-GDĐT

Quận 12, ngày 02 tháng 11 năm 2020

THÔNG BÁO
Về nội dung và hình thức
tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục Quận 12
Năm học 2020 – 2021 (Đợt 2)

Để chuẩn bị tốt phần phỏng vấn kiến thức chung, chuyên môn nghiệp vụ, phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12 thông báo đến các ứng viên dự tuyển chức danh giáo viên, nhân viên thuộc các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường Chuyên biệt Ánh Dương các tài liệu cần nghiên cứu như sau:

PHẦN I: DÀNH CHO GIÁO VIÊN

A. KIỂM TRA TRẮC NGHIỆM (30 phút)

I. Phần kiến thức chung (Dành cho cả 3 cấp học)

1. Luật viên chức – Luật số 58/2010/QH12; Luật số 52/2019/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Viên chức số 58/2010/QH12.
2. Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019;
3. Quy định về đạo đức nhà giáo theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
4. Một số kiến thức cơ bản về đổi mới dạy học và kiểm tra đánh giá;
5. Một số kiến thức cơ bản về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học (Power Point, Word).

II. Phần kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho ứng viên từng bậc học

1. Đối với mầm non (MN)

- 1.1. Điều lệ trường mầm non (*ban hành kèm theo Thông tư số 14/2008/TT-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*);
- 1.2. Thông tư số 26/2018/TT/BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non (*thay thế Quyết định số 02/2008/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 01 năm 2008*);
- 1.3. Quyết định số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 của trường Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Điều lệ trường mầm non;
- 1.4. Thông tư 06/2015/TT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;
- 1.5. Thông tư Liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14 tháng 9 năm

2015 của Liên tịch Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non;

1.6. Quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non (*ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BGDĐT ngày 15/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

2. Đối với tiểu học và trường Chuyên biệt

2.1. Điều lệ trường Tiểu học (*ban hành kèm theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*); Thông tư số 50/2012/TT-BGDĐT ngày 18/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi bổ sung Điều 40, 40a của Thông tư 41;

2.2. Quy định chế độ làm việc với giáo viên phổ thông (*ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*);

2.3. Thông tư số 16/2017/T-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục công lập;

2.4. Thông tư Liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Liên tịch Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập;

2.5. Quy định về đánh giá học sinh tiểu học (*ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học tại Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT*);

2.6. Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông (*thay thế Quyết định số 14/2007/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 5 năm 2007*).

3. Đối với trung học cơ sở (THCS)

3.1. Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (*ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*);

3.2. Thông tư số 16/2017/T-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục công lập;

3.3. Quy định chế độ làm việc với giáo viên phổ thông (*ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*);

3.4. Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT (*ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*);

3.5. Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo

dục và Đào tạo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông (thay thế Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 10 năm 2009).

3.6. Thông tư Liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Liên tịch Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập.

B. THỰC HÀNH GIẢNG DẠY (Thời gian 15 phút)

I. Nội dung

1. Đối với mầm non

- Ứng viên trình bày cách thức thực hiện giờ học với một trong những yêu cầu sau: Tạo hình, làm quen chữ viết, làm quen với toán, làm quen môi trường xung quanh, làm quen văn học, làm quen âm nhạc, làm quen hoạt động phát triển thể chất (thể dục); trả lời các câu hỏi về kiến thức chung, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ của bậc học mầm non.

2. Đối với tiểu học và trường Chuyên biệt

- Ứng viên trình bày giảng dạy một hoặc một số nội dung về: khái niệm, định nghĩa, bài tập hoặc nội dung liên quan trong chương trình sách giáo khoa lớp 2, 3 (*thí sinh được phép mang theo sách giáo khoa; không được mang theo sách giáo viên, sách hướng dẫn giảng dạy*); trả lời các câu hỏi về kiến thức chung, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ của bậc tiểu học.

3. Đối với Trung học cơ sở

- Ứng viên trình bày giảng dạy một hoặc một số nội dung về: khái niệm, định nghĩa, bài tập hoặc nội dung liên quan trong chương trình sách giáo khoa lớp 6, 7 (*thí sinh được phép mang theo sách giáo khoa; không được mang theo sách giáo viên, sách hướng dẫn giảng dạy*); trả lời các câu hỏi về kiến thức chung, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ của bậc trung học cơ sở.

II. Hình thức

1. Thí sinh bốc thăm đề và chuẩn bị nội dung trình bày vào trong phiếu chuẩn bị thực hành trong 10 phút.

2. Nộp phiếu chuẩn bị thực hành cho thành viên Ban sát hạch.

3. Trình bày theo nội dung câu hỏi đã yêu cầu.

4. Trả lời các câu hỏi của thành viên Ban sát hạch (*thời gian tổng cộng phần trình bày và trả lời câu hỏi là: 15 phút*).

PHẦN II: DÀNH CHO NHÂN VIÊN

A. KIỂM TRA TRẮC NGHIỆM (Thời gian 30 phút)

I. Phần kiến thức chung

1. Luật viên chức – Luật số 58/2010/QH12; Luật số 52/2019/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Viên chức số 58/2010/QH12.

2. Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019;

3. Quy định về đạo đức nhà giáo (*ban hành kèm theo Quyết định số*

16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

4. Thông tư 06/2015/TT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập (***Dành cho các ứng viên đăng ký dự thi vào các trường mầm non***).

5. Thông tư số 16/2017/T-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục công lập (***Dành cho các ứng viên đăng ký dự thi vào các trường tiểu học, trung học cơ sở và trường chuyên biệt***).

6. Quyết định số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Điều lệ trường mầm non (***Dành cho các ứng viên đăng ký dự thi vào các trường mầm non***).

7. Điều lệ trường Tiểu học (ban hành kèm theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo); Thông tư 50/2012/TT-BGDĐT ngày 18/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi bổ sung Điều 40, 40a của Thông tư 41 (***Dành cho các ứng viên đăng ký dự thi vào các trường tiểu học và trường chuyên biệt***).

8. Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011) của Bộ Giáo dục và Đào tạo (***Dành cho các ứng viên đăng ký dự thi vào các trường trung học cơ sở***).

9. Một số kiến thức cơ bản về ứng công nghệ thông tin trong làm việc (Power Point, Word).

II. Phần kiến thức chuyên môn nghiệp vụ

1. Đối với nhân viên văn thư

- Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

- Thông tư số 14/2014/TT-BNV ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nội vụ về quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành văn thư.

2. Đối với nhân viên thư viện

- Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông (ban hành kèm theo Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02/01/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Thông tư số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19 tháng 5 năm 2015 của liên Bộ Văn hóa Thể thao Du lịch và Bộ Nội vụ về quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành thư viện.

3. Đối với nhân viên thiết bị

- Thông tư số 08/2019/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương nhân viên thiết bị, thí nghiệm trong các trường trung học và trường chuyên biệt công lập;

4. Đối với nhân viên thủ quỹ

- Thông tư 13/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý thu chi bằng tiền mặt qua hệ thống kho bạc nhà nước.

5. Đối với nhân viên công nghệ thông tin (vị trí Quản trị viên hệ thống hạng IV)

- Thông tư số 45/2017/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Thông tin Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Công nghệ thông tin;

6. Đối với nhân viên hỗ trợ giáo dục khuyết tật

- Thông tư số 19/2016/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Liên tịch Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp nhân viên hỗ trợ giáo dục khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập;

7. Đối với nhân viên giáo vụ

- Thông tư số 07/2019/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương nhân viên giáo vụ trong trường phổ thông dân tộc nội trú; trường trung học phổ thông chuyên; trường dự bị đại học và trường dành cho người khuyết tật công lập;

B. PHẦN THỰC HÀNH (Thời gian 15 phút)

1. Nội dung

- Cần biết cách thiết lập, quản lý và sử dụng hệ thống hồ sơ, sổ sách và các quy định liên quan đến công việc dự tuyển.

2. Hình thức

- Thí sinh bốc thăm đề và chuẩn bị nội dung trình bày vào trong Phiếu chuẩn bị thực hành trong 10 phút.

- Nộp phiếu chuẩn bị thực hành cho thành viên Ban sát hạch.

- Trình bày theo nội dung câu hỏi đã yêu cầu.

- Trả lời các câu hỏi của thành viên Ban sát hạch (*thời gian tổng cộng phần trình bày và trả lời câu hỏi là: 15 phút*).

Trên đây là thông báo về nội dung và hình thức tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục Quận 12 năm học 2020 – 2021 (Đợt 2)/.

Nơi nhận:

- UBND quận; Đ/c: PCT/VX (để báo cáo);
- Phòng Nội vụ quận (để phối hợp);
- Các trường công lập và ĐVTT;
- Thông báo tuyển dụng viên chức;
- Lưu: VT, TC (C).

TRƯỞNG PHÒNG
(Đã ký)

Khuru Mạnh Hùng

